

Số: 457 /HD-SKHCN

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 3 năm 2021

HƯỚNG DẪN

Thực hiện một số chính sách hỗ trợ đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2021 – 2030

Căn cứ Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định một số chính sách hỗ trợ đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2021 – 2030 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND);

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định một số chính sách hỗ trợ đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2021 – 2030;

Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc thực hiện một chính sách hỗ trợ đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2021 – 2030 theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND và Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh để các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh, cá nhân trên địa bàn tỉnh dễ dàng tiếp cận chính sách và một số biểu mẫu để lập hồ sơ trong quá trình thực hiện, cụ thể như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng được hỗ trợ

a) Các cơ quan, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND.

b) Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh, cá nhân trên địa bàn tỉnh (sau đây được gọi chung là doanh nghiệp) có đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ.

c) Các nhiệm vụ của Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2021 - 2030 được ưu tiên hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; các nội dung phát triển sở hữu công nghiệp cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Không áp dụng đối với các doanh nghiệp có các dự án đang được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Việc hỗ trợ theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng.

b) Chỉ hỗ trợ đối với các nội dung chưa nhận hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác của Nhà nước.

c) Trường hợp các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND, đồng thời đáp ứng điều kiện theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND và các quy định khác có liên quan thì được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi ích nhất.

d) Tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước, không vi phạm pháp luật và đang hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký sản xuất, kinh doanh (theo cam kết của doanh nghiệp); chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực đối với các tài liệu liên quan cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước, cũng như các nội dung đã cam kết bằng văn bản trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND.

đ) Căn cứ nguồn lực hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định số lượng doanh nghiệp được nhận hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc:

- Doanh nghiệp do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước.

- Doanh nghiệp nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ trước được hỗ trợ trước.

- Về ưu tiên các doanh nghiệp có một hoặc nhiều tiêu chí sau đây:

+ Tham gia sản xuất sản phẩm chủ lực của tỉnh; sản xuất hàng xuất khẩu, các mặt hàng thuộc các lĩnh vực được tỉnh ưu tiên phát triển;

+ Doanh nghiệp có trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

+ Doanh nghiệp đã đạt Giải thưởng chất lượng Việt Nam hoặc đạt Giải thưởng cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh;

+ Không vi phạm các quy định của pháp luật về môi trường;

- + Thực hiện tốt các hoạt động xã hội;
- + Doanh nghiệp có hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Chính phủ.

3. Các loại hình công nghệ, sở hữu trí tuệ được hỗ trợ

a) Công nghệ tạo sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao.

b) Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; Danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Công nghệ nhằm nâng giá trị gia tăng, cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; công nghệ giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động; công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.

d) Tiếp nhận công nghệ tiên tiến; các phương pháp gia công mới, tiên tiến; công nghệ thuộc các lĩnh vực ưu tiên phát triển (công nghệ thông tin, công nghệ cao, công nghệ sinh học, y dược, du lịch, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất các sản phẩm chủ lực, đặc sản địa phương), giải mã công nghệ.

đ) Nghiên cứu đổi mới, cải tiến công nghệ; thiết kế, chế tạo thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị nhập ngoại.

e) Thực hiện xây dựng và áp dụng các công nghệ quản lý tiên tiến, hoạt động tiêu chuẩn hóa. Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ và phát triển công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

g) Hỗ trợ tham gia các sự kiện khoa học và công nghệ.

h) Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

i) Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế liên quan đến phát triển tài sản trí tuệ (bao gồm: bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng mới,...).

k) Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng. Hỗ trợ doanh nghiệp chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; truy suất nguồn gốc, mã số mã vạch.

l) Các trường hợp đặc biệt (hỗ trợ cho các doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển của lĩnh vực, ngành, phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

II. ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ VÀ THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, TRÌNH TỰ XÉT HỖ TRỢ

1. Hỗ trợ chuyên giao công nghệ

a) Điều kiện được hỗ trợ: Doanh nghiệp đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Hợp đồng chuyên giao công nghệ có công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyên giao theo quy định của Luật Chuyên giao công nghệ; có Giấy chứng nhận đăng ký chuyên giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyên giao công nghệ); được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, nghiệm thu theo quy định;

- Công nghệ chuyên giao là công nghệ ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh, gồm: Công nghệ thông tin, công nghệ cao, công nghệ sinh học, y dược, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất các sản phẩm chủ lực, đặc sản địa phương, được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, nghiệm thu theo quy định.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp;

- Hỗ trợ một phần kinh phí hợp đồng mua công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, bí quyết công nghệ;

- Hỗ trợ một phần kinh phí mua thiết bị công nghệ trong hợp đồng chuyên giao công nghệ có kèm thiết bị.

c) Mức hỗ trợ:

- Hợp đồng chuyên giao công nghệ có giá trị trên 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng): Được hỗ trợ 20% giá trị hợp đồng, nhưng tối đa không quá 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng)/hợp đồng;

- Hợp đồng chuyên giao công nghệ có giá trị từ 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) đến 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng): Được hỗ trợ 25% giá trị hợp đồng, nhưng tối đa không quá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)/hợp đồng;

- Hợp đồng chuyên giao công nghệ có giá trị dưới 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng): Được hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng, nhưng tối đa không quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)/hợp đồng;

- Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư hoặc các ngành nghề ưu tiên, như công nghệ thông tin, công nghệ cao, công nghệ sinh học, y dược, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất các sản phẩm chủ lực, đặc sản địa phương nhận chuyên giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ: Được hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng, nhưng tối đa không quá 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)/hợp đồng;

- Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức

ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: Theo quy định hiện hành về thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Hình thức hỗ trợ:

- Đối với hình thức hỗ trợ trực tiếp: được hỗ trợ kinh phí để thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp;

- Đối với hình thức hỗ trợ kinh phí thông qua nhiệm vụ khoa học công nghệ: được ưu tiên đưa vào danh mục nhiệm vụ tuyển chọn, giao trực tiếp và được hỗ trợ theo quy định thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

đ) Đối với hồ sơ, quy trình xét hỗ trợ trực tiếp

Hồ sơ hỗ trợ trực tiếp (*đối với Hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp*), gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (*Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này*);

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ (bằng Tiếng Việt) và nội dung hợp đồng phải đảm bảo các nội dung theo quy định tại Điều 23 của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ);

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng thuê chuyên gia tư vấn, hồ sơ năng lực của chuyên gia tư vấn (văn bằng đào tạo; tài liệu, giấy tờ chứng minh kinh nghiệm công tác của chuyên gia); Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thuê chuyên gia tư vấn; Hoá đơn giá trị gia tăng có liên quan (nếu có); Hồ sơ về công nghệ chuyển giao;

- Báo cáo kết quả hoạt động chuyển giao công nghệ, bao gồm báo cáo về hiệu quả sản xuất, kinh doanh từ việc nhận chuyển giao công nghệ (*Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này*);

- Hồ sơ năng lực của tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ; tổ chức, cá nhân tiếp nhận công nghệ;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức hoặc giấy chứng minh nhân dân (hoặc căn cước công dân), hộ khẩu (đối với cá nhân);

Quy trình xét hỗ trợ trực tiếp:

- Doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại điểm

này về Sở Khoa học và Công nghệ (qua bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh); Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định, nghiệm thu, kiểm tra, xác minh hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, nghiệm thu hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định hỗ trợ và ký Hợp đồng hỗ trợ (nếu có). Trường hợp hồ sơ không đảm bảo điều kiện hỗ trợ thì ban hành Văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

g) Đối với hồ sơ, quy trình xét hỗ trợ thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (*đối với Hỗ trợ một phần kinh phí hợp đồng mua công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, bí quyết công nghệ; Hỗ trợ một phần kinh phí mua thiết bị công nghệ trong hợp đồng chuyển giao công nghệ có kèm thiết bị*), gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (*Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này*)

- Các thành phần hồ sơ khác và quy trình xét hỗ trợ được thực hiện theo Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành.

2. Hỗ trợ đối với dự án đổi mới, cải tiến công nghệ, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện công nghệ

a) Điều kiện được hỗ trợ:

- Dự án đổi mới, cải tiến công nghệ, thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động đến môi trường;

- Doanh nghiệp có dự án đổi mới, cải tiến công nghệ, thiết bị, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện công nghệ được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, nghiệm thu theo quy định;

- Mỗi doanh nghiệp nhận được hỗ trợ tối đa 02 dự án đổi mới, cải tiến công nghệ, thiết bị.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Được hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ;

- Hỗ trợ một phần kinh phí mua công nghệ, thiết bị.

c) Mức hỗ trợ:

- Dự án đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ hoặc hoàn thiện công nghệ

có giá trị trên 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), được hỗ trợ 20% giá trị, nhưng tối đa không quá 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng)/dự án;

- Dự án đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ hoặc hoàn thiện công nghệ có giá trị từ 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) đến 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), được hỗ trợ 25% giá trị, nhưng tối đa không quá 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)/dự án;

- Dự án đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ hoặc hoàn thiện công nghệ có giá trị từ 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) đến dưới 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), được hỗ trợ 30% giá trị, nhưng tối đa không quá 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)/dự án;

- Dự án đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ hoặc hoàn thiện công nghệ có giá trị dưới 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), được hỗ trợ 35% giá trị, nhưng tối đa không quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)/dự án;

- Hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ tối đa 30% giá trị phần công nghệ được giải mã, nhưng tối đa không quá 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)/tổ chức, cá nhân.

d) Hình thức hỗ trợ:

- Đối với hình thức hỗ trợ trực tiếp: được hỗ trợ kinh phí để thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp;

- Đối với hình thức hỗ trợ kinh phí thông qua nhiệm vụ khoa học công nghệ: được ưu tiên đưa vào danh mục nhiệm vụ tuyển chọn, giao trực tiếp và được hỗ trợ theo quy định thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

đ) Đối với hồ sơ, quy trình xét hỗ trợ trực tiếp

Hồ sơ hỗ trợ trực tiếp (*đối với Hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ*), gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (*Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này*);

- Thuyết minh Dự án đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ hoặc hoàn thiện công nghệ, dự toán kinh phí chi tiết (*Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này*);

- Báo cáo kết quả đối với hoạt động đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ hoặc hoàn thiện công nghệ;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng thuê chuyên gia tư vấn; hồ sơ năng lực của chuyên gia tư vấn (văn bằng đào tạo; tài liệu, giấy tờ để

chứng minh kinh nghiệm công tác của chuyên gia); Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thuê chuyên gia tư vấn; Hoá đơn giá trị gia tăng có liên quan (nếu có);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng minh nhân dân (hoặc căn cước công dân), hộ khẩu (đối với cá nhân).

Quy trình xét hỗ trợ trực tiếp: Việc xét hỗ trợ đối với dự án đổi mới, cải tiến công nghệ, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện công nghệ được thực hiện khi Sở Khoa học và Công nghệ nhận đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị hỗ trợ. Quy trình xét hỗ trợ thực hiện tương tự như quy định tại điểm đ, khoản 1, Mục II của văn bản Hướng dẫn này.

g) Đối với hồ sơ, quy trình xét hỗ trợ thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (*đối với Hỗ trợ một phần kinh phí mua công nghệ, thiết bị*), gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (*Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này*);

- Các thành phần hồ sơ khác và quy trình xét hỗ trợ được thực hiện theo Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành.

3. Hỗ trợ lãi suất vay vốn để thực hiện dự án ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;

- Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) từ tổ chức khoa học và công nghệ;

- Công nghệ được chuyển giao thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật;

- Có hợp đồng vay vốn từ ngân hàng và hồ sơ, chứng từ trả nợ lãi vay.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 2%/năm lãi suất vay vốn, nhưng tối đa không quá 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng)/dự án để thực hiện dự án nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ nhằm cải tiến, đổi mới công nghệ, sử dụng tối đa hiệu suất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

c) Hình thức hỗ trợ: thông qua Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của tỉnh để lập thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn.

d) Hồ sơ, quy trình xét hỗ trợ

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (*Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này*);
- Dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;
- Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ);
- Báo cáo thuyết minh dự kiến hiệu quả hoạt động chuyển giao công nghệ bao gồm các báo cáo về hiệu quả kinh tế và hiệu quả khác từ chuyển giao công nghệ (đối với hỗ trợ lãi suất vay sau khi thực hiện dự án đầu tư);
- Hợp đồng vay vốn từ ngân hàng và hồ sơ, chứng từ trả nợ lãi vay.

Quy trình xét hỗ trợ: Theo quy định Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh.

4. Hỗ trợ thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa kết quả nghiên cứu bằng hình thức thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định

a) Điều kiện được hỗ trợ: Doanh nghiệp có hồ sơ dự án đáp ứng tiêu chí về dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định

b) Nội dung và định mức hỗ trợ:

- Tối đa 50% tổng kinh phí đầu tư mới thực hiện dự án triển khai tại địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành hoặc dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, tổng kinh phí hỗ trợ không tối đa quá 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng)/dự án khoa học và công nghệ;

- Tối đa đến 30% tổng kinh phí đầu tư mới cần thiết để thực hiện dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (không tính giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư thực hiện dự án) nhưng tối đa không quá 500.000.000 đồng/dự án khoa học và công nghệ.

c) Hình thức hỗ trợ: Thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Hồ sơ, quy trình xét hỗ trợ thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (*Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này*)

- Các thành phần hồ sơ khác và quy trình xét hỗ trợ được thực hiện theo Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành.

5. Hỗ trợ đối với hoạt động áp dụng các công nghệ quản lý tiên tiến, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm dịch vụ

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Đối với xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến: Doanh nghiệp đã xây dựng, áp dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng (Giấy chứng nhận được cấp bởi tổ chức chứng nhận hoạt động theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp);

- Đối với đánh giá hợp chuẩn, hợp quy: Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận Hợp chuẩn, hợp quy (Giấy chứng nhận được cấp bởi Tổ chức chứng nhận hoạt động theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp);

- Đối với xây dựng tiêu chuẩn cơ sở: Tiêu chuẩn cơ sở được chính Doanh nghiệp công bố phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (đối với sản phẩm, dịch vụ chưa có quy chuẩn kỹ thuật tương ứng);

- Đối với áp dụng công cụ nâng cao năng suất chất lượng: Doanh nghiệp đã áp dụng công cụ nâng cao năng suất chất lượng và có Giấy chứng nhận do tổ chức có chức năng chứng nhận cấp;

- Đối với áp dụng mô hình hoặc giải pháp công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Doanh nghiệp đã xây dựng, áp dụng và gắn tem truy xuất nguồn gốc lên sản phẩm đảm bảo tính xác thực, được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định nghiệm thu;

- Đối với áp dụng công nghệ mã số mã vạch: Doanh nghiệp đã được Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp giấy chứng nhận đăng ký và sử dụng mã số mã vạch.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ tối đa không quá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng)/01 doanh nghiệp được chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000 và hệ thống quản lý thực hành tốt theo tiêu chuẩn VietGap, hỗ trợ không quá 01 chứng nhận/doanh nghiệp/trong suốt quá trình hoạt động;

- Hỗ trợ tối đa không quá 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng)/01 doanh nghiệp được chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến về chất lượng, môi trường, an toàn thực phẩm, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng tiên tiến (ISO 14001, ISO 9001, ISO 27001, ISO 26000, GMP, HACCP, ISO 50001, ISO 17025; các công cụ quản lý tiên tiến: 5S, Kaizen, Lean6sigma,...), hỗ trợ không quá 10 doanh nghiệp/năm và không quá 02 chứng nhận/doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động;

- Hỗ trợ 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng)/01 doanh nghiệp/01 sản phẩm được chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương, hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và không quá 02 sản phẩm/doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động;

- Hỗ trợ 15.000.000 đồng (mười năm triệu đồng)/01 doanh nghiệp/01 sản phẩm được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia, hoặc tiêu chuẩn quốc tế và hỗ trợ không quá 01 sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp và không quá 02 sản phẩm/doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động;

- Hỗ trợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/01 sản phẩm xây dựng, áp dụng và công bố tiêu chuẩn cơ sở đối với những sản phẩm chưa có tiêu chuẩn quốc gia và hỗ trợ tối đa không quá 01 sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp và không quá 03 sản phẩm/doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động;

- Hỗ trợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/doanh nghiệp áp dụng áp công nghệ mã số mã vạch và hỗ trợ tối đa không quá 15 doanh nghiệp/năm;

- Hỗ trợ xây dựng về kiểm soát, truy xuất nguồn gốc xuất xứ, chất lượng đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh: Tối đa không quá 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)/doanh nghiệp và không quá 10 doanh nghiệp/năm.

c) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp theo định mức hoặc theo thẩm định.

d) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Đơn đề nghị hỗ trợ (*Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này*);

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức hoặc giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (đối với cá nhân).

- Đối với áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng tiên tiến thì hồ sơ là bản sao có chứng thực văn bằng chứng nhận doanh nghiệp đã áp dụng các Hệ thống, công cụ quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng (Giấy chứng nhận được cấp bởi tổ chức chứng nhận hoạt động theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp); bản photo tài liệu chứng minh năng lực của tổ chức chứng nhận; Hóa đơn tài chính; Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng thực hiện.

- Đối với chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP), hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) hoặc tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) thì hồ sơ là bản sao có chứng thực văn bằng chứng nhận sản phẩm phù hợp với QCĐP hoặc QCVN hoặc TCVN (Giấy chứng nhận được cấp bởi tổ

chức chứng nhận hoạt động theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp); bản photo tài liệu chứng minh năng lực của tổ chức thử nghiệm;

- Đối với xây dựng, áp dụng và công bố tiêu chuẩn cơ sở thì hồ sơ gồm: Bản sao có chứng thực kết quả kiểm nghiệm phân tích mẫu (được cấp bởi tổ chức thử nghiệm đã đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp); bản photo tài liệu chứng minh năng lực của tổ chức thử nghiệm; mẫu nhãn hàng hóa thể hiện đầy đủ các thông tin bắt buộc về ghi nhãn đối với sản phẩm; bản chính Quyết định của doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh hoặc hợp tác xã về việc ban hành tiêu chuẩn cơ sở áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do doanh nghiệp sản xuất và bộ tiêu chuẩn cơ sở kèm theo do doanh nghiệp tự công bố.

- Đối với áp dụng công nghệ mã số mã vạch thì hồ sơ gồm: Bản sao có chứng thực văn bằng chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch; mẫu mã vạch sản phẩm dùng để quét thử và phải hiển thị được thông tin chính thống về sản phẩm thông qua phần mềm dùng chung “Scan and Check”.

- Đối với hỗ trợ xây dựng về kiểm soát, truy xuất nguồn gốc xuất xứ, chất lượng đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh thì hồ sơ gồm: Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng tư vấn dịch vụ triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc (kèm hóa đơn tài chính; bảng kê kinh phí đã thực hiện) giữa doanh nghiệp triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc và đơn vị tư vấn, dịch vụ cung cấp giải pháp công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa (hợp đồng phải thể hiện số tem Qr-code bàn giao tối thiểu để sử dụng 20.000 tem/năm); mẫu nhãn sản phẩm có gắn tem truy xuất nguồn gốc và bảng hướng dẫn sử dụng.

đ) Quy trình xét hỗ trợ:

- Việc xét hỗ trợ đối với hoạt động áp dụng các công nghệ quản lý tiên tiến, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm dịch vụ được thực hiện khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị hỗ trợ. Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ, trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, thẩm định hỗ trợ theo quy định.

- Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định hỗ trợ. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo điều kiện hỗ trợ thì ban hành Văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

6. Hỗ trợ đối với phát triển tài sản trí tuệ

a) Hỗ trợ theo định mức để khuyến khích phát triển tài sản trí tuệ

Điều kiện được hỗ trợ:

- Đối với nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, giải pháp hữu ích: Doanh nghiệp đã có văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Đối với hỗ trợ tạo lập, đăng ký bảo hộ và quảng bá nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề trên địa bàn: Phải có đề án đề nghị hỗ trợ.

Nội dung và định mức hỗ trợ:

- Đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)/văn bằng bảo hộ được cấp;

- Đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/văn bằng bảo hộ được cấp, tối đa không quá 02 kiểu dáng công nghiệp/năm/doanh nghiệp;

- Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu thông thường của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/văn bằng bảo hộ nhãn hiệu được cấp, không quá 01 văn bằng bảo hộ nhãn hiệu/năm/doanh nghiệp và mỗi doanh nghiệp hỗ trợ không quá 03 văn bằng bảo hộ nhãn hiệu trong suốt quá trình hoạt động;

- Đăng ký bảo hộ giống cây trồng mới của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn: Mức hỗ trợ 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng)/văn bằng bảo hộ được cấp;

- Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận của đặc sản địa phương ra nước ngoài: Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng)/văn bằng bảo hộ tại các nước ASEAN và 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng)/văn bằng bảo hộ tại các nước khác. Cụ thể: Hỗ trợ 80% kinh phí sau khi được chấp nhận đơn hợp lệ và hỗ trợ tiếp 20% kinh phí còn lại sau khi văn bằng bảo hộ được cấp, trong suốt quá trình hoạt động mỗi doanh nghiệp hỗ trợ không quá 02 lần;

- Hỗ trợ tham gia Hội chợ, triển lãm giới thiệu đặc sản, sản phẩm làng nghề trong nước không quá 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng)/01 doanh nghiệp cho một lượt tham gia; hỗ trợ tối đa không quá 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)/doanh nghiệp cho 01 lượt tham gia Hội chợ, triển lãm giới thiệu đặc sản, sản phẩm làng nghề ở nước ngoài (được cơ quan quản lý lựa chọn). Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 02 lượt/năm;

- Hỗ trợ tạo lập, đăng ký bảo hộ và quảng bá nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề trên địa bàn. Tổng kinh phí hỗ

trợ tối đa không quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)/01 đề án.

Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp

b) Hỗ trợ kinh phí để thực hiện các dự án

Điều kiện được hỗ trợ: Có dự án áp dụng được xây dựng theo quy định.

Nội dung và mức hỗ trợ:

- Áp dụng sáng chế, giải pháp hữu ích nhằm nâng cao năng suất, chất lượng các đặc sản trên địa bàn (kể cả sáng chế của nước ngoài không bảo hộ tại Việt Nam). Được hỗ trợ 70% giá trị, nhưng tối đa không quá 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)/01 dự án;

- Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất, sáng kiến; áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến trong trồng trọt, chăn nuôi; các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến, bảo quản nông sản, đặc sản; xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương gắn với phát triển thương hiệu các đặc sản Huế. Được hỗ trợ 70% giá trị, nhưng tối đa không quá 200.000.000 (hai trăm triệu đồng) đồng/01 dự án;

- Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản địa phương, sản phẩm làng nghề, sản phẩm đặc thù của địa phương đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận. Được hỗ trợ 70% giá trị, nhưng tối đa không quá 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng)/01 dự án;

- Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề. Được hỗ trợ 70% giá trị, nhưng tối đa không quá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)/01 dự án.

Hình thức hỗ trợ: Thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

c) Ngân sách nhà nước bảo đảm 100% kinh phí, để thực hiện các nội dung:

- Nâng cao nhận thức về tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ;

- Tăng cường hiệu quả hoạt động quản lý và hợp tác về sở hữu trí tuệ.

d) Hồ sơ đề nghị và quy trình hỗ trợ

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tiếp (Đối với hỗ trợ theo định mức để khuyến khích phát triển tài sản trí tuệ).

Đơn đề nghị hỗ trợ (*Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này*);

Bản sao có chứng thực văn bằng bảo hộ được cấp (riêng đối với đăng ký bảo hộ ra nước ngoài thực hiện theo quy định nêu trên);

Dự toán kinh phí chi tiết đề nghị hỗ trợ, kèm các báo giá liên quan (đối với đề nghị hỗ trợ tham gia Hội chợ, triển lãm giới thiệu đặc sản, sản phẩm làng nghề

trong và ngoài nước);

Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với tổ chức hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (đối với cá nhân).

Đối với hỗ trợ tạo lập, đăng ký bảo hộ và quảng bá nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề trên địa bàn: Đơn đề nghị hỗ trợ (*Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này*), Đề án tạo lập, đăng ký bảo hộ và quảng bá nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận (*Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này*).

Quy trình xét hỗ trợ trực tiếp: Doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ được quy định tại điểm này về Sở Khoa học và Công nghệ (qua bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh); Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định phê duyệt hỗ trợ và ký Hợp đồng hỗ trợ. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo điều kiện hỗ trợ thì ban hành Văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

đ) Hồ sơ, quy trình xét hỗ trợ thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Đối với hỗ trợ kinh phí để thực hiện các dự án):

- Đơn đề nghị hỗ trợ (*Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này*)

- Các thành phần hồ sơ khác và quy trình xét hỗ trợ được thực hiện theo Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành.

7. Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư

a) Về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ: Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân đã được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn, được cơ quan có thẩm quyền công nhận và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương và quốc phòng, an ninh được Nhà nước xem xét mua theo quy định của pháp luật về mua sắm sử dụng vốn nhà nước.

b) Điều kiện được hỗ trợ:

- Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

- Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn trong thời gian không quá 03 năm kể từ thời điểm ứng dụng, chuyển giao;

- Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc Danh mục

công nghệ khuyến khích chuyển giao;

- Tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ có phương án khả thi về thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

c) Mức hỗ trợ: Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)/01 kết quả nghiên cứu.

d) Việc hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân có kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đáp ứng tại quy định này thông qua các hình thức: Hỗ trợ kinh phí hoặc Hỗ trợ thông qua nhiệm vụ khoa học và phát triển công nghệ.

đ) Thủ tục, thẩm quyền hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Tổ chức, cá nhân đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ gửi hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Văn bản đề nghị kèm theo thuyết minh;
- Văn bản công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ quan có thẩm quyền (bản sao có chứng thực);
- Tài liệu thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đưa vào ứng dụng, chuyển giao không quá 03 năm.

Hồ sơ đề nghị mua:

- Văn bản đề nghị kèm theo thuyết minh;
- Văn bản công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ quan có thẩm quyền;
- Văn bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Nội dung đánh giá hồ sơ đề nghị của tổ chức, cá nhân trước khi xem xét hỗ trợ, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

- Đối với hồ sơ đề nghị mua: Điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; tính khả thi của phương án quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

- Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí: Điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định

chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đánh giá hồ sơ hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Trình tự xem xét, đánh giá:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có). Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá. Hội đồng đánh giá có từ 07 đến 09 thành viên, gồm đại diện của các cơ quan quản lý và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hồ sơ để xem xét hỗ trợ, mua. Trường hợp hồ sơ không được phê duyệt phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do;

- Kinh phí đánh giá hồ sơ được dự toán trong ngân sách tỉnh (theo Quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế).

Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được phê duyệt để xem xét mua, hỗ trợ được công bố trên Cổng thông tin điện tử và gửi cho tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị và Sở Khoa học và Công nghệ.

Phương thức mua, hỗ trợ:

- Phương thức mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm sử dụng vốn nhà nước và pháp luật khác có liên quan;

- Phương thức hỗ trợ được thực hiện theo quy định của pháp luật khoa học và công nghệ và các chương trình, đề án liên quan.

Biểu mẫu để thực hiện thủ tục theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

8. Hỗ trợ mua, nghiên cứu hoàn thiện sáng chế, sáng kiến để chuyển giao cho doanh nghiệp áp dụng, phổ biến cho công chúng hoặc phát triển ý tưởng, dự án khởi nghiệp

a) Điều kiện được hỗ trợ: Đạt một trong các điều kiện sau:

- Sáng chế, sáng kiến đã được ứng dụng hiệu quả ở quy mô nhỏ được Nhà nước xem xét mua để chuyển giao cho doanh nghiệp áp dụng, phổ biến cho công chúng theo quy định của pháp luật về mua sắm sử dụng vốn nhà nước;

- Các ý tưởng, dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đạt giải nhất, giải nhì cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp tỉnh.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Đối với hỗ trợ mua, nghiên cứu hoàn thiện sáng chế, sáng kiến để chuyển giao cho doanh nghiệp áp dụng, phổ biến cho công chúng: Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)/01 nhiệm vụ;

- Đối với phát triển ý tưởng, dự án khởi nghiệp: Theo quy định hiện hành về thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Phương thức mua sáng chế, sáng kiến được thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm sử dụng vốn nhà nước và pháp luật khác có liên quan. Hình thức, quy trình hỗ trợ các ý tưởng, dự án khởi nghiệp: Được thực hiện thông qua nhiệm vụ khoa học và phát triển công nghệ.

d) Trình tự, thủ tục mua sáng chế, sáng kiến:

Tổ chức, cá nhân đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh mua sáng chế, sáng kiến nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Khoa học và Công nghệ (01 bản giấy và 01 bản điện tử). Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh mua sáng chế, sáng kiến;
- Văn bằng bảo hộ sáng chế, giấy chứng nhận sáng kiến;
- Tài liệu thể hiện hiệu quả áp dụng sáng chế, sáng kiến trong thực tiễn và khả năng mở rộng quy mô áp dụng;

- Văn bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua sáng chế, sáng kiến và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao.

Nội dung đánh giá hồ sơ đề nghị của tổ chức, cá nhân trước khi xem xét mua sáng chế, sáng kiến:

- Hiệu lực, phạm vi bảo hộ, nội dung giải pháp của sáng chế được bảo hộ; nội dung sáng kiến được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

- Hiệu quả ứng dụng thực tiễn của sáng chế, sáng kiến; nhu cầu của doanh nghiệp, công chúng; điều kiện, khả năng mở rộng quy mô áp dụng sáng chế, sáng kiến;

- Khả năng ứng dụng sáng chế, sáng kiến phục vụ lợi ích xã hội trong sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công; phục vụ quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe nhân dân;

- Thẩm quyền, trình tự xem xét, đánh giá hồ sơ, trách nhiệm công bố sáng chế, sáng kiến đáp ứng điều kiện xem xét mua được thực hiện theo quy định tương ứng tại điểm đ khoản 7, Mục II của Hướng dẫn này;

- Trách nhiệm công bố sáng chế, sáng kiến đáp ứng điều kiện xem xét mua được thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 7, Mục II của Hướng dẫn này;

Biểu mẫu để thực hiện thủ tục theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

đ) Hồ sơ, quy trình xét hỗ trợ thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Đối với hỗ trợ phát triển ý tưởng, dự án khởi nghiệp):

- Đơn đề nghị hỗ trợ (*Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này*)

- Các thành phần hồ sơ khác và quy trình xét hỗ trợ thực hiện theo Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành.

9. Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Tổ chức, cá nhân có sản phẩm khoa học và công nghệ theo quy định.

- Tham gia vào các hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ thông qua các sự kiện như: Chợ công nghệ và thiết bị (*Techmart*); diễn đàn cung - cầu công nghệ (*TechDemo*); Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (*Techfest*), sự kiện về công nghệ, thiết bị do Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức.

b) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ truyền thông, thông tin;

- Hỗ trợ một phần kinh phí thuê mặt bằng, gian hàng;

- Hỗ trợ một phần kinh phí thiết kế và vận chuyển sản phẩm.

c) Mức hỗ trợ: Đối với đề nghị hỗ trợ tham gia các hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ: Tối đa không quá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/doanh nghiệp và không quá 02 lượt/doanh nghiệp/năm.

d) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp.

đ) Hồ sơ, quy trình hỗ trợ

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (*Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này*);

- Các văn bản có liên quan đến sự kiện (công văn đồng ý hoặc giấy mời tham gia sự kiện; kế hoạch tổ chức của ngành, đơn vị chủ trì tổ chức sự kiện);

- Dự toán kinh phí chi tiết đề nghị hỗ trợ (kèm các báo giá theo quy định);

- Danh mục sản phẩm tham gia hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành

lập đối với tổ chức hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân (đối với cá nhân).

Sau khi tham gia sự kiện, Báo cáo kết quả việc tham gia hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ (kèm bản sao Giấy chứng nhận của Ban tổ chức (nếu có) hoặc hình ảnh thực tế tham gia).

Quy trình xét hỗ trợ:

Doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ được quy định tại điểm đ mục này về Sở Khoa học và Công nghệ (qua bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh); Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, thẩm định và ban hành Quyết định phê duyệt hỗ trợ (chỉ giải ngân kinh phí hỗ trợ khi sự kiện được tổ chức), ký Hợp đồng hỗ trợ (nếu có). Trường hợp hồ sơ không đảm bảo điều kiện hỗ trợ thì ban hành Văn bản từ chối và nêu rõ lý do.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các doanh nghiệp: Lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ gửi về Sở Khoa học và Công nghệ (qua bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh); Cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp; Tuân thủ quy định của pháp luật, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện đúng cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ; Bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ; theo đúng nội dung, khối lượng, thời gian và kinh phí được phê duyệt; Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả; Báo cáo kết quả thực hiện đột xuất hoặc định kỳ theo yêu cầu về Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan có liên quan để tổng hợp báo cáo HĐND, UBND tỉnh; Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, hoàn trả toàn bộ kinh phí được hỗ trợ trong trường hợp vi phạm quy định của pháp luật hoặc không thực hiện nội dung đề nghị hỗ trợ hoặc có hành vi gian dối để được hưởng hỗ trợ ưu đãi hoặc không thực hiện đúng cam kết hoặc quá thời gian thực hiện, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện một số chính sách hỗ trợ đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2021–2030 theo Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu gặp phát sinh vướng mắc, đề nghị quý các cơ quan, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp phản hồi về Sở Khoa học

và Công nghệ để nghiên cứu điều chỉnh phù hợp. Thông tin liên hệ: Sở Khoa học và Công nghệ, số 24 đường Lê Lợi, thành phố Huế, điện thoại 0234.3833859, email: hcky.skhn@thuathienhue.gov.vn.

Sở Khoa học và Công nghệ kính thông báo đến quý cơ quan, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh./

Nơi nhận:

- Như trên;
- TVTU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Các ban của Tỉnh ủy;
- Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế;
- Đại học Huế;
- Các trường thành viên thuộc Đại học Huế;
- Các Viện;
- Các tổ chức KH&CN;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hiệp Hội Doanh nhân trẻ;
- Các Hội nghề nghiệp;
- Các làng nghề;
- Trang thông tin điện tử Sở KH&CN;
- BGĐ Sở KH&CN;
- Lưu: VT, QLCN.

GIÁM ĐỐC

Hồ Thắng

PHỤ LỤC

Các biểu mẫu sử dụng trong hỗ trợ đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2021-2030

(Kèm theo Công văn số 457/HD-SKHCN, ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị hỗ trợ cải tiến, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, lãi suất vay, thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ
Mẫu số 02	Báo cáo kết quả hoạt động nhận chuyển giao công nghệ
Mẫu số 03	Thuyết minh dự án đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ hoặc hoàn thiện công nghệ
Mẫu số 04	Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí tạo lập và đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và giống cây trồng mới; hoạt động áp dụng các công nghệ quản lý tiên tiến, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm dịch vụ
Mẫu số 05	Đơn đề nghị hỗ trợ tạo lập, đăng ký bảo hộ và quảng bá nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề trên địa bàn tỉnh
Mẫu số 06	Đề án tạo lập, đăng ký bảo hộ và quảng bá nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề trên địa bàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:..... 4. Fax:.....
5. E-mail:.....
6. Người đứng đầu tổ chức:.....
 - Họ và tên:
 - Chức vụ:
 - Điện thoại:
7. Đề nghị xem xét hỗ trợ:

TT	Lĩnh vực hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ cụ thể	Hình thức hỗ trợ	
			Trực tiếp	Thông qua nhiệm vụ KHCN
1				
.....				

8. Tổng kinh phí thực hiện:.....

Trong đó:

- Kinh phí mua thiết bị, công nghệ,.....
- Kinh phí thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp:.....

- Khác:.....

9. Kinh phí đề nghị Nhà nước hỗ trợ:.....

10. Thành phần hồ sơ kèm theo, gồm:

-

-

Đối với đề nghị hỗ trợ thông qua thực hiện nhiệm vụ KHCN (Phiếu đề xuất đính kèm)

11. Nội dung cam kết:

Chúng tôi xin cam kết chưa nhận hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho nội dung đề nghị hỗ trợ theo giấy đề nghị này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời cam kết này. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực các thông tin, nội dung, tài liệu liên quan kèm theo do chúng tôi cung cấp để đề nghị hỗ trợ kinh phí. Nếu không triển khai thực hiện sẽ hoàn trả lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã cấp.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người đứng đầu tổ chức/Cá nhân đề nghị hỗ trợ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

Ghi chú: Đối với hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ đề nghị đính kèm thêm nội dung và dự toán kinh phí chi tiết, kèm các báo giá liên quan.

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động nhận chuyển giao công nghệ
Phần thứ nhất

THÔNG TIN CHUNG

1. Tên công nghệ nhận chuyển giao:.....
2. Tổ chức/ cá nhân nhận chuyển giao:.....
3. Tổ chức/ cá nhân chuyển giao:.....
4. Mục tiêu chính nhận chuyển giao công nghệ:.....
5. Quy mô, công suất:.....
6. Địa điểm triển khai, ứng dụng công nghệ nhận chuyển giao:.....
7. Thời gian triển khai, ứng dụng công nghệ nhận chuyển giao:.....
8. Tổng mức đầu tư:.....
9. Nguồn vốn đầu tư: (*Kinh phí sự nghiệp khoa học hỗ trợ, vốn tự có, vốn huy động hợp pháp khác*).....
10. Mô tả tóm tắt quá trình nhận chuyển giao công nghệ:.....
11. Các thông tin khác có liên quan (nếu có):.....

Phần thứ hai

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cơ sở khoa học và thực tiễn

a) Tổng quan:

- Hợp đồng chuyển giao công nghệ:

- Ngày sản xuất thương mại có sử dụng công nghệ nhận chuyển giao

b) Những nội dung đã triển khai khi nhận chuyển giao công nghệ:

2. Nội dung đã thực hiện

a) Kết quả thực hiện các nội dung: *(Nêu rõ kết quả và mức độ đạt được các nội dung đã thực hiện; mục tiêu, quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện, chất lượng sản phẩm, ...)*

b) Kết quả thực hiện về tài chính:

c) Đánh giá về hiệu quả kinh tế xã hội:

3. Sản phẩm dự án đạt được

a) Số lượng sản phẩm đã sản xuất theo công nghệ được chuyển giao:

b) Chất lượng sản phẩm so với yêu cầu đề ra:

Phần thứ ba

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Phần kết luận:.....

2. Phần kiến nghị:.....

Phụ lục kinh phí chi tiết về quá trình nhận chuyển giao công nghệ đính kèm (kinh phí thuê chuyên gia, mua thiết bị, công nghệ,...)

Tổ chức/cá nhân

(ký tên, đóng dấu nếu tổ chức)

THUYẾT MINH

Dự án đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ hoặc hoàn thiện công nghệ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Chủ đầu tư dự án: Tên (tên gọi chính thức)
(Cung cấp các thông tin của tổ chức và người đứng đầu như: địa chỉ, điện thoại, fax, email, website,...).....

2. Tên dự án:

3. Thời gian thực hiện:.....

II. MÔ TẢ DỰ ÁN

1. Sự cần thiết và mục tiêu của dự án: (Trình bày tính cấp thiết và mục tiêu của dự án).....

2. Yêu cầu của việc đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ hoặc hoàn thiện công nghệ

- Mô tả các yêu cầu kỹ thuật của thiết bị, công nghệ:.....
- Một số yêu cầu khác cần đáp ứng theo quy định hiện hành của pháp luật đối với thiết bị công nghệ (nếu có).....

3. Thuyết minh công nghệ

- Mô tả nguyên lý hoạt động; tính mới của thiết bị, công nghệ:.....
- Mô tả việc thiết kế các module của thiết bị, công nghệ:.....
- Quyền sở hữu trí tuệ (nếu có):.....

4. Bảng tính kinh phí chi tiết thực hiện dự án

- Chi phí nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị, công nghệ, thuê chuyên gia (đối với dự án nghiên cứu cải tiến thiết bị, công nghệ):.....
- Chi phí mua thiết bị, công nghệ, thuê chuyên gia (đối với dự án mua thiết bị công nghệ):.....
- Chi phí mua công nghệ, thuê chuyên gia (đối với dự án mua công nghệ độc lập):...

5. Đánh giá hiệu quả kinh tế

- So sánh với các thiết bị có cùng tính năng trên thị trường:.....
- Trình bày lợi ích, hiệu quả kinh tế-xã hội của dự án:.....

Phụ lục kinh phí chi tiết về quá trình nhận chuyển giao công nghệ đính kèm (kinh phí thuê chuyên gia, mua thiết bị, công nghệ,...)

....., ngày.....tháng.....năm ..

Người đại diện Chủ dự án

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế

I. Thông tin chung:

1. Tôi (chúng tôi):
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại: Fax..... Email.....
4. Số tài khoản: tại.....

II. Nội dung đề nghị hỗ trợ:

A. Đối với hỗ trợ theo định mức để khuyến khích phát triển tài sản trí tuệ

1. Là chủ sở hữu
2. Sáng chế/giải pháp hữu ích []; Kiểu dáng công nghiệp [];
3. Nhãn hiệu []; Giống cây trồng mới [];
4. Số:; Ngày cấp:
5. Theo Quyết định số:/QĐ-.....; ngày: của

B. Đối với hỗ trợ đối với hoạt động áp dụng các công nghệ quản lý tiên tiến, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và truy xuất nguồn gốc

1. Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến []
2. Đánh giá hợp chuẩn, hợp quy []
3. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở: []
4. Áp dụng công cụ nâng cao năng suất chất lượng []
5. Áp dụng mô hình hoặc giải pháp công nghệ truy xuất nguồn gốc []
6. Áp dụng công nghệ mã số mã vạch []

III. Hồ sơ kèm theo:

.....

IV. Nội dung cam kết:

1. Tôi (chúng tôi) kính đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế hỗ trợ kinh phí tạo lập và đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và giống cây trồng mới theo quy định.

2. Chúng tôi xin cam kết chưa nhận hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho nội dung đề nghị hỗ trợ theo đơn này, và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời cam kết này.

3. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực các thông tin, nội dung, tài liệu liên quan kèm theo do chúng tôi cung cấp để đề nghị hỗ trợ kinh phí.

....., ngày tháng ... năm

Tổ chức/ cá nhân

(ký tên, đóng dấu nếu tổ chức)

Tổ chức đề nghị hỗ trợ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... thángnăm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Hỗ trợ tạo lập, đăng ký bảo hộ và quảng bá nhãn hiệu tập thể,
nhãn hiệu chứng nhận cho các đặc sản, sản phẩm làng nghề trên địa bàn**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế

Căn cứ Khoạch /KH-UBND ngày ... /... /20... của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thừa Thiên Huế năm 20.....,(1)..... đề xuất kế hoạch hỗ trợ xây dựng và quảng bá nhãn hiệu tập thể(2)..... như sau:

1. Mục tiêu:

2. Các nội dung thực hiện:
.....

3. Dự kiến kinh phí thực hiện:

TT	Nội dung	Thực hiện	Chiết tính	Thành tiền	Kinh phí	
					Đề nghị hỗ trợ	Huy động
1						

	<i>Tổng cộng:</i>					

- Tổng kinh phí thực hiện:

Kính đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt kinh phí hỗ trợ để thực hiện là(Thuyết minh Đề án và dự toán chi tiết đính kèm)

Xác nhận của cơ quan cấp trên (nếu có)
(ký tên, đóng dấu)

Thủ trưởng đơn vị đề nghị hỗ trợ
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) tên tổ chức đề nghị hỗ trợ;
(2) tên nhãn hiệu.

Mẫu số 06

Tổ chức đề nghị hỗ trợ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

**Tạo lập, đăng ký bảo hộ và quảng bá nhãn hiệu tập thể,
nhãn hiệu chứng nhận.....**

I. TỔNG QUANG ĐỀ ÁN

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện (từ...đến)	Dự kiến kết quả/sản phẩm	Dự kiến kinh phí thực hiện (triệu đồng)
1				
2				
.....
	Tổng cộng			

II. THUYẾT MINH VÀ DỰ TOÁN ĐỀ ÁN CHI TIẾT

A. THÔNG TIN VỀ ĐỀ ÁN

1	Tên Đề án:
2	Thời gian thực hiện: (từ tháng năm 20..... đến tháng năm 20.....)
3	Kinh phí thực hiện:

	Tổng kinh phí: đồng, trong đó: - Từ ngân sách sự nghiệp khoa học: đồng - Từ nguồn tự có của tổ chức:đồng - Từ nguồn hợp pháp khác:			
4	Chủ nhiệm Đề án:			
	Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Học hàm, học vị: Chức danh nghề nghiệp: Điện thoại: E-mail:			
5	Tổ chức chủ trì Đề án:			
	Tên tổ chức chủ trì: Người đứng đầu tổ chức: Điện thoại: Địa chỉ: Số tài khoản giao dịch của đơn vị..... tại Ngân hàng:			
6	Các cán bộ thực hiện đề án: (cả người trực tiếp và gián tiếp thực hiện)			
	Họ và tên, học hàm học vị	Vị trí công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho nhiệm vụ (Số tháng quy đổi)
	Những người trực tiếp tham gia thực hiện đề án			
1				
2				
3				

Những người gián tiếp tham gia thực hiện đề án				

B. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

STT	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện	Các sản phẩm, kết quả của đề án	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện
1				
2				

C. TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đơn vị tính: triệu đồng

8	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo các khoản chi					
Tổng số Kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ (triệu đồng)	Trong đó					Nguồn hợp pháp khác
	Tiền lương	Các khoản đóng góp theo lương*	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn		

Ngày tháng năm 20...

Chủ nhiệm Đề án

(Họ tên và chữ ký)

Ngày tháng năm 20...

Tổ chức chủ trì Đề án

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày tháng năm 20...

Cơ quan chủ quản

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu khi phê duyệt)

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ ÁN

(kèm theo đề án)

Đơn vị tính:

TT	Nội dung	Thực hiện	Chiết tính	Thành tiền	Kinh phí	
					Đề nghị hỗ trợ	Huy động
	Tổng cộng:					

PHIẾU ĐỀ XUẤT
HỖ TRỢ KINH PHÍ THÔNG QUA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Đơn đề nghị hỗ trợ - Mẫu 01)

1. Tên đề tài:

.....
.....

2. Thời gian bắt đầu-kết thúc:

3. Kinh phí dự kiến:

Tổng số:

Trong đó, vốn sự nghiệp khoa học tính:

4. Mục tiêu dự kiến của đề tài:

.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....

5. Sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

6. Nội dung chủ yếu của đề tài:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

7. Dự kiến sản phẩm của đề tài:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

8. Khả năng và địa chỉ áp dụng:

.....

.....

....., ngày.....tháng.....năm 202..

Đơn vị, cá nhân đề xuất đề tài

Phiếu ĐXĐTDA B

**PHIẾU ĐỀ XUẤT
HỖ TRỢ KINH PHÍ THÔNG QUA DỰ ÁN SẢN XUẤT - THỬ NGHIỆM
(Kèm theo Đơn đề nghị hỗ trợ - Mẫu 01)**

1. Tên dự án:

.....
.....

2. Thời gian bắt đầu-kết thúc:

3. Kinh phí dự kiến:

Tổng số:

Trong đó, vốn sự nghiệp khoa học tính:

4. Nguồn gốc của dự án: *(từ kết quả đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được Hội đồng KHCN các cấp đánh giá, kiến nghị áp dụng; từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng hội thi sáng tạo...)*

5. Mục tiêu dự kiến của dự án:

.....
.....
.....
.....

.....

6. Sự cần thiết:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

7. Chỉ tiêu kỹ thuật của các sản phẩm:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

8. Nội dung chủ yếu của dự án:

.....

.....

.....

.....
.....

9. Dự kiến hiệu quả đạt được:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

10. Sản phẩm dự kiến của dự án:

.....
.....
.....
.....
.....

11. Quy mô và địa chỉ áp dụng:

.....
.....
.....
.....

....., ngày.....tháng.....năm 202....

Đơn vị, cá nhân đề xuất dự án

Phiếu ĐXĐTDA C

PHIẾU ĐỀ XUẤT
HỖ TRỢ KINH PHÍ THÔNG QUA DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Đơn đề nghị hỗ trợ - Mẫu 01)

1. Tên dự án:

.....

.....

2. Thời gian bắt đầu-kết thúc:

3. Kinh phí dự kiến:

Tổng số:

Trong đó, vốn sự nghiệp khoa học tỉnh:

4. Nguồn gốc của dự án: *(từ kết quả đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được Hội đồng KH-CN các cấp đánh giá, kiến nghị áp dụng; từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng hội thi sáng tạo...)*

5. Mục tiêu dự kiến của dự án:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6. Sự cần thiết:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

8. Nội dung chủ yếu của dự án:

.....

.....

.....

.....
.....
9. Dự kiến hiệu quả đạt được:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

10. Sản phẩm dự kiến của dự án:

.....
.....
.....
.....
.....

11. Quy mô và địa chỉ áp dụng:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày.....tháng.....năm 202.....

Đơn vị, cá nhân đề xuất dự án